TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-ST
Ngày: 23-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hoàng.

Bà Lê Thị Thanh Phương.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lâm Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp*: Bà Trần Thị Điểu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2023/TLST-DS, ngày 09/10/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S (tên cũ là Công ty TNHH S1);

Địa chỉ: Số A, N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông K– Chức vụ: Giám đốc Công ty;

Địa chỉ liên lạc: Số I, đường L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người đại diện theo ủy quyền* là chị Trần Thanh L, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số D, N, Phường A, Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 16/02/2023).

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Minh Đ, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Số H, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

(Người đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Buộc anh Phạm Minh Đ phải hoàn trả lại xe mô tô hai bánh BKS 66C1-541.28, Loại xe HONDA VA RIO, màu xanh đen, số khung: RLHKF4113KK859798, số máy: KF41E1862282, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 046477 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 02/3/2020, theo hợp đồng cầm cố số SDM200601013NA20X ngày 20/6/2020.

2. Trường hợp anh Phạm Minh Đ không trả lại xe cầm cố buộc anh Phạm Minh Đ thanh toán số tiền 107.894.000 đồng tạm tính đến ngày 23/05/2024, bao gồm tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.028.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.586.000 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản là 57.280.000 đồng.

Ngoài ra anh Phạm Minh Đ phải tiếp tục chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 24/5/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ngày 22/7/2024, đại diện Công ty Cổ phần S có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Công ty không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp cầm cố là buộc anh Phạm Minh Đ phải hoàn trả lại xe mô tô hai bánh BKS 66C1-541.28, Loại xe HONDA VA RIO, màu xanh đen, số khung: RLHKF4113KK859798, số máy: KF41E1862282, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 046477 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 02/3/2020, theo hợp đồng cầm cố số SDM200601013NA20X ngày 20/6/2020;

- Công ty yêu cầu anh Phạm Minh Đ phải thanh toán số tiền 50.614.000 đồng tạm tính đến ngày 23/05/2024, bao gồm tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.028.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.586.000 đồng.

- *Bị đơn Phạm Minh Đ* đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã được triệu tập để mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, cũng như triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bị đơn không tham gia trong suốt quá trình tố tụng cũng như không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Toà án.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần S buộc anh Phạm Minh Đ phải thanh toán số tiền 50.614.000 đồng tạm tính đến ngày 23/05/2024, bao gồm tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.028.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.586.000 đồng và tính lãi suất ngày tiếp theo, theo hợp đồng thỏa thuận.

Chấp nhận yêu cầu xin rút lại một phần đơn yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S phần không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố đối với anh Đ và xin rút lại không yêu cầu anh Đ phải trả số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản là 57.280.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu trên của Công ty cổ phần S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc anh Phạm Minh Đ phải thanh toán số tiền 50.614.000 đồng tạm tính đến ngày 23/05/2024, bao gồm tiền gốc là 30.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 6.028.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.586.000 đồng.

Căn cứ Điều 309 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Tỉnh.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 23/7/2024, anh Phạm Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố hay các yêu cầu gì khác trong vụ án này; Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Minh Đ phải thanh toán số tiền 50.614.000 đồng tạm tính đến ngày 23/05/2024, bao gồm tiền gốc là 30.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 6.028.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.586.000đồng; Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Xét việc giao kết hợp đồng cầm cố giữa các đương sự: Căn cứ hợp đồng số SDM200601013NA20X được ký giữa các bên ngày 20/6/2020, số đăng ký Giao địch đảm bảo trên Hệ thống đăng ký Trực tuyến của Cục Đ1 Giaodichdambao/botuphap:1373110748. Nội dung hợp đồng: Anh Phạm Minh Đ có ký cầm cố tài sản là chiếc xe mô tô hai bánh, biển số BKS 66C1-541.28, Loại xe HONDA VA RIO, màu xanh đen, số khung: RLHKF4113KK859798, số máy: KF41E1862282, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 046477 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 02/3/2020, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền cầm cố 30.000.000 đồng; Thời hạn cầm cố là 18 tháng; Lãi suất là 1,1%/ tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phí bảo quản hồ sơ và phí hao mòn tài sản là 4%/tháng.

[2.2] Xét tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố: Xét thấy, tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự hợp đồng cầm cố đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và căn cứ Điều 309, 310 Bộ luật dân sự thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Như vậy hợp đồng cầm cố đang tranh chấp giữa các bên là hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm ký kết ngày 20/6/2020.

[2.3] Xét việc giao nhận tiền thì phía Công ty có giải ngân cho anh Đ nhận số tiền 30.000.000 đồng theo phiếu chi ngày 20/6/2020 nên Công ty yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm trả lại. Xét thấy, trong quá trình tố tụng anh Đ vắng mặt và không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn gửi cho Toà án. Căn cứ Điều 92, 93 Bộ luật Tố tụng dân sự xem đây là chứng cứ không cần chứng minh nên xác định hai bên có ký kết hợp đồng cầm cố là thật và anh Đ có cầm cố chiếc xe mô tô như trên cho Công ty để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán số tiền 30.000.000 đồng.

[2.4] Xét về quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố: Nguyên đơn trình bày anh Đ chưa thanh toán cho Công ty khoản tiền nào, bao gồm cả gốc, lãi và phí, từ sau ngày 20/6/2020 cho đến nay đã quá hạn hợp đồng và anh Đ không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty; Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án; Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là chứng cứ không cần chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và còn nợ số tiền gốc 30.000.000 đồng.

[2.5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính tiền lãi gốc, lãi quá hạn: Căn cứ vào hợp đồng nêu trên, lãi suất hai bên thoả thuận là 1,1%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn, đây là sự tự nguyện thoả thuận giữa các bên và không trái với quy định pháp luật nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo hợp đồng là có căn cứ phù hợp nên chấp nhận. Số tiền lãi, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/05/2024 như sau: Tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.028.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.586.000 đồng. Tổng cộng là 50.614.000 đồng.

[2.6] Hội đồng xét xử xác định hai bên có giao kết hợp đồng cầm cố ngày 20/6/2020, bị đơn có nhận số tiền 30.000.000 đồng và có bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng tài sản là chiếc xe mô tô. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện như hai bên cam kết trong hợp đồng đã ký kết (bao gồm nợ gốc, lãi, lãi quá hạn), như vậy, bị đơn hiện còn nợ của Công ty số tiền gốc là 30.000.000 đồng tính từ ngày 20/6/2020 cho đến nay bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc Công ty khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/5/2024 tổng cộng là 50.614.000 đồng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tiếp tục tính lãi của nguyên đơn, yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 24/5/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng cầm cố ngày 20/6/2020, nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Phạm Minh Đ phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 50.614.000 đồng (trong đó tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.028.000 đồng, lãi quá hạn là 14.586.000 đồng) và buộc anh Đ phải có nghĩa vụ

tiếp tục trả lãi với lãi suất theo hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Xét về tài sản cầm cố: Tại phiên tòa, người đại diện Công ty không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố và có đơn xin thay đổi lại yêu cầu là không buộc anh Phạm Minh Đ phải giao chiếc xe môtô hai bánh biển số BKS 66C1-541.28, Loại xe HONDA VA RIO, màu xanh đen, số khung: RLHKF4113KK859798, số máy: KF41E1862282, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 046477 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 02/3/2020 cho Công ty theo hợp đồng cầm cố số SDM200601013NA20X được ký giữa các bên ngày 20/6/2020, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty TNHH S1 - Chi nhánh S2 (nay là Công ty cổ phần S) và xin rút lại số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản là 57.280.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn xin thay đổi không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp; không yêu cầu trả lại số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Phạm Minh Đ phải thanh toán số tiền 50.614.000 đồng tạm tính đến ngày 23/05/2024 (bao gồm tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.028.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.586.000 đồng) và tính lãi suất ngày tiếp theo theo hợp đồng thỏa thuận.

Chấp nhận yêu cầu xin rút lại một phần đơn yêu cầu khởi kiện của Công ty, Công ty không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố đối với anh Đ và xin rút lại không yêu cầu anh Đ phải trả số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản là 57.280.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu trên. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 309, Điều 310 và Điều 280 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 37, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S (tên cũ là Công ty TNHH S1).

- Buộc anh Phạm Minh Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền 50.614.000 đồng (trong đó tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.028.000 đồng, lãi quá hạn là 14.586.000 đồng) cho Công ty tổ phần S (tên cũ là Công ty TNHH S1).

Kể từ ngày tiếp theo 24/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Minh Đ còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cầm cố số: SDM200601013NA20X ngày 20/6/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty tổ phần S (tên cũ là Công ty TNHH S1) về việc yêu cầu anh Phạm Minh Đ phải giao lại tài sản bảo đảm là chiếc xe mô tô hai bánh BKS 66C1-541.28, Loại xe HONDA VA RIO, màu xanh đen, số khung: RLHKF4113KK859798, số máy: KF41E1862282 và số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản là 57.280.000 đồng.

3. Về án phí:

- Buộc bị đơn anh Phạm Minh Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.530.700 đồng.

- Công ty tổ phần S (tên cũ là Công ty TNHH S1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.217.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017407 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THA dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Chi Cục THA dân sự huyện C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội